

ĐỀ CƯƠNG GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024

I. Trắc nghiệm.

Câu 1: Hãy cho biết, có loại giống cây trồng nào?

- A. Giống thuần chủng
- B. Giống đối chứng
- C. Giống ưu thế lai
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 2: Thế nào là giống thuần chủng?

- A. Là giống có đặc tính di truyền đồng nhất và ổn định.
- B. Là giống cùng loài đó được trồng phổ biến tại địa phương
- C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Thế nào là giống đối chứng?

- A. Là giống ban đầu trước khi được chọn lọc.
- B. Là giống cùng loài đó được trồng phổ biến tại địa phương
- C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4: Thế nào là giống ưu thế lai?

- A. Là giống ban đầu trước khi được chọn lọc.
- B. Là giống cùng loài đó được trồng phổ biến tại địa phương
- C. Là giống biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F1 so với bố mẹ chúng.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Ưu điểm của phương pháp chọn lọc hỗn hợp là:

- A. Nhanh đạt mục tiêu chọn giống
- B. Dễ thực hiện, ít tốn kém
- C. Tạo ra nhiều sự khác biệt so với giống gốc
- D. Khó thực hiện

Câu 7: Nhược điểm của phương pháp chọn lọc hỗn hợp là:

- A. Chậm đạt mục tiêu chọn giống
- B. Khó thực hiện
- C. Không tạo ra nhiều sự khác biệt so với giống gốc

D. Không đánh giá được đặc điểm di truyền từng cá thể

Câu 8: Ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là:

- A. Tạo ra sự khác biệt rõ rệt theo mục tiêu chọn giống
- B. Tốn ít thời gian
- C. Không tốn diện tích đất
- D. Năng suất ổn định

Câu 9: Đối tượng áp dụng của phương pháp chọn lọc cá thể:

- A. Cây nhân giống vô tính
- B. Cây tự thụ phấn
- C. Cây giao phối
- D. Cây nhân giống vô tính và cây tự thụ phấn

Câu 10: Bước 1 của quy trình nhân giống hữu tính là:

- A. Chọn lọc hạt giống tác giả
- B. Gieo trồng, chăm sóc
- C. Thu hoạch
- D. Chọn lọc, làm sạch, phơi khô hạt

Câu 11: Bước 2 của quy trình nhân giống hữu tính là:

- A. Chọn lọc hạt giống tác giả
- B. Gieo trồng, chăm sóc
- C. Sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng
- D. Sản xuất hạt giống nguyên chủng

Câu 12: Có phương pháp nhân giống vô tính chính nào?

- A. Giâm cành, chiết cành, gieo hạt.
- B. Chiết cành, ghép áp cành, gieo hạt
- C. Chiết cành, ghép, giâm cành, gieo hạt
- D. Chiết cành, ghép, giâm cành, nuôi cấy mô

Câu 13: Đây là giống tạo bằng phương pháp gây đột biến

- A. Giống táo má hồng
- B. Giống ngô LYN10
- C. Giống lúa vàng
- D. Giống lúa PC6

Câu 14: Bước 3 của quy trình giâm cành là:

A. Chọn cành mẹ

B. Cắt cành giâm

C. Nhúng vào dung dịch kích thích ra rễ

D. Cắm cành giâm vào nền giâm

Câu 15: Đâu là giống tạo bằng phương pháp công nghệ gene

A. Giống táo má hồng

B. Giống ngô LYN10

C. Giống lúa vàng

D. Giống lúa PC6

Câu 16: Biện pháp nào sau đây là biện pháp canh tác trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

A. Gieo trồng đúng thời vụ

B. Sử dụng giống kháng bệnh

C. Sử dụng thuốc hóa học

D. Bắt bằng vợt

Câu 17: Sử dụng vợt bắt sâu hại là biện pháp

A. Điều hòa

B. Sinh học

C. Hoá học

D. Cơ giới, vật lý

Câu 18: Để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học chúng ta cần làm gì?

A. Áp dụng các biện pháp phòng trừ hợp lý

B. Không chế sự phát triển của các loài thiên địch

C. Bảo vệ các loài thiên địch, gây nuôi và bảo vệ các loài côn trùng có ích

D. Tạo ra nhiều nguồn thức ăn cho các loài sinh vật có ích

Câu 19: Đâu là chế phẩm vi khuẩn trừ sâu?

A. Chế phẩm Bt

B. Chế phẩm NPV

C. Chế phẩm nấm xanh Metarhizium

D. Chế phẩm nấm Trichoderma

Câu 20: Đâu là chế phẩm virus trừ sâu?

A. Chế phẩm Bt

B. Chế phẩm NPV

C. Chế phẩm nấm xanh Metarhizium

D. Chế phẩm nấm Trichoderma

Câu 21: Đâu không phải ưu điểm của biện pháp canh tác?

A. Dễ áp dụng, hiệu quả lâu dài

B. Không gây ô nhiễm môi trường

C. An toàn cho sức khỏe người sản xuất

D. Hiệu quả cao khi sâu, bệnh đã phát sinh thành dịch

Câu 22: Đâu là nội dung của biện pháp canh tác?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lý; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

Câu 23:Đâu là nội dung của biện pháp cơ giới, vật lí?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

Câu 24.Đâu là nội dung của biện pháp sinh học?

A. Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; gieo trồng đúng thời vụ; chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí; luân canh cây trồng.

B. Dùng tay, dùng vợt bắt sâu; ngắt bỏ bộ phận cây trồng bị bệnh; dùng bẫy đèn, bẫy dính để diệt sâu hại.

C. Sử dụng giống cây trồng mang gen chống chịu sâu, bệnh hại.

D. Sử dụng các loài động vật, thực vật, vi sinh vật có ích và chế phẩm từ chúng để phòng trừ sâu, bệnh hại.

Câu 25:Bước làm đất, bón lót có công việc chính như:

A. Cày, bừa đất

B. Lên luống

C. Bón phân lót

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 26: Sâu tơ hại rau có đặc điểm sau:

A. Nhộng của sâu tơ được bọc trong lớp kén tơ mỏng màu trắng.

B. Nhộng của sâu tơ được bọc trong lớp kén tơ mỏng màu xanh đậm.

C. Nhộng màu nâu đỏ bóng, cuối có gai nhọn

D. Nhộng màu nâu đen bóng, cuối có gai dài

Câu 27: Sâu tơ hại rau có đặc điểm sau:

A. Nhộng của sâu tơ được bọc trong lớp kén tơ mỏng màu trắng.

B. Nhộng của sâu tơ được bọc trong lớp kén tơ mỏng màu xanh đậm.

C. Nhộng màu nâu đỏ bóng, cuối có gai nhọn

D. Nhộng màu nâu đen bóng, cuối có gai dài

Câu 28: Rầy nâu trứng có đặc điểm sau:

A. Trứng hình bầu dục hơi tròn, dễ rời rạc dưới mặt lá.

B. Trứng để thành ổ giống hình nải chuối, màu trắng đục.

C. Trứng hình cầu, có phủ lông tơ mỏng, màu trắng xanh.

D. Trứng có màu trắng, hình trụ thon, dài và đầu hơi nhọn.

Câu 29: Ruồi đục quả trứng có đặc điểm sau:

- A. Trứng hình bầu dục hơi tròn, dễ rời rạc dưới mặt lá.
- B. Trứng dễ thành ổ giống hình nải chuối, màu trắng đục.
- C. Trứng hình cầu, có phủ lông tơ mỏng, màu trắng xanh.
- D. Trứng có màu trắng, hình trụ thon, dài và đầu hơi nhọn

Câu 30: Sâu keo mùa thu trứng có đặc điểm sau:

- A. Trứng hình bầu dục hơi tròn, dễ rời rạc dưới mặt lá.
- B. Trứng dễ thành ổ giống hình nải chuối, màu trắng đục.
- C. Trứng hình cầu, có phủ lông tơ mỏng, màu trắng xanh.
- D. Trứng có màu trắng, hình trụ thon, dài và đầu hơi nhọn.

Câu 31: Loài nào sau đây được gọi là thiên địch

- A. Bộ cánh cứng B. Châu chấu C. Bộ ba khoang D. Bộ xít

Câu 32: Đặc điểm gây hại của rầy nâu hại lúa?

- A. Chích hút nhựa cây làm cho cây bị khô héo
- B. Chích hút nhựa cây cắt đứt đường vận chuyển dinh dưỡng của cây
- C. Chích hút mật hoa làm cho cây không thụ phấn
- D. Chích hút nhựa cây và ăn lá cây

Câu 33: Tác nhân gây hại của bệnh vàng lá greening là gì?

- A. nấm Colletotrichum B. vi khuẩn Candidatus Liberibacter asiaticus
- C. nấm Pyricularia oryzae D. vi khuẩn Xanthomonas oryzae

Câu 34: Tác nhân gây hại của bệnh đạo ôn hại lúa là gì?

- A. nấm Colletotrichum B. vi khuẩn Candidatus Liberibacter asiaticus
- C. nấm Pyricularia oryzae D. vi khuẩn Xanthomonas oryzae

Câu 35: Bệnh thán thư xuất hiện trong điều kiện

- A. độ ẩm cao, nhiệt độ cao. B. độ ẩm cao, sương muối nhiều.
- C. độ ẩm thấp, sương muối nhiều. D. độ ẩm thấp, sương muối ít.

Câu 36: Đặc điểm của bệnh vàng lá greening là

- A. quả có vết đen lõm xuống sau chuyển thành màu đen và rụng.
- B. lá có chấm nhỏ màu xanh lục mờ, sau chuyển thành hình thoi màu nâu nhạt.

C. quả nhỏ, bị méo, vàng loang lổ.

D. khi cây bệnh, cành và lá héo rũ.

Câu 37: Đặc điểm của bệnh đạo ôn hại lúa là

A. quả có vết đen lõm xuống sau chuyển thành màu đen và rụng.

B. lá có chấm nhỏ màu xanh lục mờ, sau chuyển thành hình thoi màu nâu nhạt.

C. quả nhỏ, bị méo, vàng loang lổ.

D. khi cây bệnh, cành và lá héo rũ.

Câu 38: Đặc điểm của bệnh héo xanh vi khuẩn là

A. quả có vết đen lõm xuống sau chuyển thành màu đen và rụng.

B. lá có chấm nhỏ màu xanh lục mờ, sau chuyển thành hình thoi màu nâu nhạt.

C. quả nhỏ, bị méo, vàng loang lổ.

D. khi cây bệnh, cành và lá héo rũ.

Câu 39. Nhóm nấm được ứng dụng rộng rãi trong phòng trừ sâu hại cây trồng là:

A. Nấm túi

B. Nấm sợi

C. Nấm men

D. Nấm đảm

Câu 40. Chế phẩm Bt là gì?

A. Chế phẩm thảo mộc trừ sâu

B. Chế phẩm nấm trừ sâu

C. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu

D. Chế phẩm virus trừ sâu

Câu 41. Sâu bị nhiễm chế phẩm nấm phấn trắng thì cơ thể sẽ:

A. Mềm nhũn rồi chết

B. Trương phồng lên, nứt ra bộc lộ lớp bụi trắng như bị rắc bột

C. Bị tê liệt, không ăn uống rồi chết

D. Cứng lại và trắng ra như bị rắc bột rồi chết

Câu 42. Sau khi nuốt phải bào tử có tinh thể prôtêin độc sâu bọ sẽ bị tê liệt và chết sau:

A. 1 ngày

B. 1 tuần

C. Khoảng 5-6 ngày

D. 2-4 ngày

Câu 43. Chế phẩm virus được sản xuất trên môi trường nào:

A. Sâu trưởng thành

B. Sâu non

C. Nấm phấn trắng

D. Côn trùng

Câu 44. Bước đầu tiên của quy trình trồng trọt là gì?

A. Làm đất, bón phân lót

B. Gieo hạt, trồng cây con

C. Chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh

D. Thu hoạch

Câu 45. Yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt là:

A. Đúng thời điểm

B. Đúng phương pháp

C. Nhanh gọn, cẩn thận

D. Cả 3 đáp án trên

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG- SAI

Câu 1: Nhóm học tập số 1 trong lớp nhận nhiệm vụ tổng hợp ưu, nhược điểm của phương pháp giâm cành. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận thống nhất một số nội dung sau:

- a. Đơn giản, dễ thực hiện.
- b. Hệ số nhân giống tương đối thấp. Bộ rễ phát triển tốt hơn cây so với cây nhân giống bằng hạt.
- c. Hệ số nhân giống tương đối cao. Bộ rễ phát triển kém hơn cây so với cây nhân giống bằng hạt.
- d. Cây giống khó nhiễm bệnh từ cây mẹ.

Câu 2: Nhóm học tập số 2 trong lớp nhận nhiệm vụ tìm hiểu nội dung phương pháp chiết cành. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận thống nhất một số nội dung sau:

- a. Cây con khỏe mạnh hơn so với cây giâm cành.
- b. Hệ số nhân giống tương đối cao. Bộ rễ phát triển tốt hơn cây so với cây nhân giống bằng hạt.
- c. Hệ số nhân giống tương đối thấp. Bộ rễ phát triển kém hơn cây so với cây nhân giống bằng hạt.
- d. Cây giống dễ nhiễm bệnh từ cây mẹ.

Câu 3: Mẹ A mua rau muống về nấu canh cua, mẹ bảo hai anh em A nhặt một nửa nấu canh còn một nửa để ngày mai nấu, vì thế mẹ A đem nửa rau còn lại để vào ngăn mát tủ lạnh, hai anh em A thấy vậy thì thắc mắc. Mẹ A đã giải thích như sau:

- a. Vì trong rau chứa nhiều nước nên nếu để vào ngăn lạnh làm tế bào to giúp bảo quản rau lâu hơn.
- b. Vì rau để lạnh thì sẽ ức chế được hoạt động của VSV gây hại giúp bảo quản rau lâu hơn.
- c. Vì rau để lạnh thì sẽ ức chế quá trình hô hấp trong rau nên rau lâu bị hỏng vì thế bảo quản rau được tốt hơn.
- d. Vì rau để lạnh giúp diệt nấm, vi sinh vật trên bề mặt rau giúp rau bảo quản lâu hơn.

Câu 4: Theo em biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng nào sẽ được sử dụng rộng rãi trong tương lai? Vì sao?

- a. Biện pháp sinh học vì thân thiện với môi trường, an toàn với cây trồng, có tác dụng lâu dài.
- b. Biện pháp sinh học vì an toàn với con người và động vật.
- c. Biện pháp hóa học vì giúp tiêu diệt sâu, bệnh nhanh chóng.
- d. Biện pháp hóa học vì hiệu quả nhanh, đặc biệt khi sâu, bệnh hại đã bùng phát.

III. TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu điểm giống và khác nhau giữa phương pháp gây đột biến và phương pháp chuyển gene?

Câu 2: Phân biệt đặc điểm gây hại và biện pháp phòng trừ một loại sâu, bệnh hại cây trồng thường gặp (Ruồi đục thân, sâu đục thân ngô; bệnh đạo ôn...)?

Câu 3: Hãy cho biết thành phần chính, cơ chế diệt trừ, đối tượng diệt trừ của 3 loại chế phẩm vi sinh vật trừ sâu, bệnh hại cây trồng?

Câu 4: Em hãy giải thích vì sao phòng trừ sâu, bệnh lại giúp cây trồng cho năng suất cao, chất lượng tốt?

Câu 5. Theo em , việc sử dụng máy bay không người lái để phun thuốc trừ sâu bện và bón phân trong trồng trọt có ý nghĩa như thế nào?

Câu 6. Mô tả kỹ thuật làm đất cho một loại cây trồng phổ biến ở địa phương em